

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ SỰ
PHỐI HỢP GIỮA HĐQT VÀ TGD
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 10/2008

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
SỰ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 0.5../TBD-HĐQT-QĐ ngày 27/10/2008)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích và đối tượng áp dụng của Quy chế

- 1.1 Quy chế này quy định những nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc Hội đồng quản trị (HĐQT) và nguyên tắc phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Tổng Giám đốc (TGD) Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty) và Bộ máy điều hành của Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng qui định của pháp luật.
- 1.2 Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và cán bộ công nhân viên Công ty trong mọi lĩnh vực quản lý của Công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong qui chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các qui định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.
- 1.3 Trừ khi có qui định khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 2: Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- 2.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, gồm 5 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- 2.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 2.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 3: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

- 3.1 Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm chung về tổ chức hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều 26 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:



2/2

- a) Tổ chức, phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;
 - b) Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT;
 - d) Thay mặt HĐQT ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
 - e) Thay mặt HĐQT ký quyết định bổ nhiệm các chức danh nhân sự giúp việc chuyên trách cho HĐQT, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh này.
 - f) Thay mặt HĐQT tiếp nhận và trả lời các báo cáo, đề xuất lên HĐQT của Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, công tác điều hành.
 - g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế này.
- 3.2 Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thực hiện nhiệm vụ được thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

Điều 5: Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

- 5.1 HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.
- 5.2 Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và trước pháp luật về mọi Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Công ty trừ thành viên HĐQT đã không tham gia biểu quyết hoặc biểu quyết không thông qua hoặc bảo lưu ý kiến đối với Nghị quyết và/hoặc Quyết định đó.
- 5.3 Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thanh toán các chi phí này phải phù hợp với Quy chế tài chính hiện hành của Công ty.

Điều 6: Thư ký và bộ phận giúp việc của HĐQT

- 6.1 Hội đồng quản trị chỉ định một Thư ký/Ban Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho HĐQT và do Tổng giám đốc ký Hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. HĐQT có thể cử hai hay nhiều người cùng thực hiện

công việc thư ký Công ty tùy thuộc vào nhu cầu công việc trong từng thời điểm. Ban Thư ký thực hiện trách nhiệm được giao và hưởng các quyền lợi theo quy định của hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, Điều lệ Công ty, các quyết định của HĐQT và pháp luật.

- 6.2 Nhiệm vụ của Ban Thư ký được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và các công việc khác do HĐQT giao.
- 6.3 HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban hoặc Hội đồng chuyên đề bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều người khác ở ngoài HĐQT trong Công ty nếu cho là phù hợp và theo quy định của Điều lệ, do một thành viên HĐQT là trưởng tiểu ban để thẩm định và/hoặc tư vấn cho HĐQT xem xét, phê duyệt các đề án hợp tác kinh doanh, các dự án đầu tư cũng như các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT và do Tổng Giám đốc Công ty đề nghị. Trên cơ sở Biên bản của các Tiểu ban/Hội đồng chuyên đề, HĐQT sẽ ban hành các nghị quyết/quyết định về các vấn đề đã được Tiểu ban/Hội đồng chuyên đề thông qua.

Điều 7: Chế độ làm việc của HĐQT

- 7.1 HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nghị quyết/Quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.
- 7.2 HĐQT có thể họp bất thường theo qui định tại Điều 28.3 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này.
- 7.3 Các thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 7.4 Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công; phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.
- 7.5 Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- 7.6 Thành viên HĐQT có thể làm việc trực tiếp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Công ty để chuẩn bị ý kiến cho kỳ họp HĐQT. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có thể trực tiếp trao đổi với Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời.

Điều 8: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

- 8.1 Tổng giám đốc Công ty bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho hoạt động của HĐQT và các bộ phận giúp việc của HĐQT.

- 8.2 Chi phí hoạt động của HĐQT và bộ phận giúp việc được tính vào chi phí quản lý của Công ty.
- 8.3 Các điều kiện làm việc khác của HĐQT được quy định ở Điều 28 Quy chế này.

Điều 9: Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT

- 9.1 Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức cuộc họp.
- 9.2 Hội đồng quản trị phải được triệu tập họp bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm **cán bộ quản lý** khác;
 - Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 9.3 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 9.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và đối tượng được mời tham dự khác ít nhất 01 ngày trước khi tổ chức cuộc họp.
- 9.4 Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty. Người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Tổng Giám đốc chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét, thảo luận tại cuộc họp.

Điều 10: Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

- 10.1 Cuộc họp HĐQT chỉ có thể coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hay qua ủy quyền.
- 10.2 Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại lần thứ hai vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian và khi đó cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tham dự trực

tiếp hay theo ủy quyền.

- 10.3 Nếu triệu tập lần thứ hai nhưng không đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian và khi đó cuộc họp luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

Điều 11: Thành phần tham dự các cuộc họp HĐQT

- 11.1 Thành phần tham dự các cuộc họp HĐQT bao gồm: Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được mời họp dự thính.
- 11.2 Những cán bộ quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời tham dự cuộc họp khi cần thiết.
- 11.3 Khi thảo luận về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước thì HĐQT có thể mời đại diện cơ quan nhà nước có liên quan tham dự cuộc họp. Trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty dự họp.
- 11.4 Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

Điều 12: Chuẩn bị nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT

- 12.1 Trừ khi có quy định khác, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp của HĐQT theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- 12.2 Các thành viên HĐQT và/hoặc Hội đồng tiêu ban chuyên môn có trách nhiệm, theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT, nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng Giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để HĐQT xem xét quyết nghị.

Điều 13: Họp trên điện thoại và các hình thức khác

Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có

một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các Nghị quyết/Quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Không thành viên HĐQT nào có quyền từ chối khẳng định bằng chữ kí trong biên bản của cuộc họp nói trên, trừ khi trong cuộc họp trên, thành viên HĐQT đó đã bày tỏ sự không tán thành hoặc bảo lưu của mình đối với các Nghị quyết/Quyết định được thông qua trong cuộc họp đó.

Điều 14: Biên bản cuộc họp HĐQT

- 14.1 Nội dung các cuộc họp HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp HĐQT. Biên bản cuộc họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có đầy đủ chữ ký của Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT tham dự họp và Chủ tịch HĐQT hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp.
- 14.2 Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty khi có yêu cầu.

Điều 15: Nghị quyết của HĐQT

- 15.1 HĐQT sẽ ban hành nghị quyết/quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp.
- 15.2 Căn cứ nội dung Biên bản họp, Thư ký Công ty phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản.

Nghị quyết/quyết định của HĐQT được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp HĐQT.
- 15.3 Nguyên tắc thông qua Nghị quyết của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền hợp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau. HĐQT thông qua các Nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu của chủ tọa là lá phiếu quyết định.
- 15.4 Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT.
- 15.5 Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 01 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự

chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 15.6 Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích (cùng với lợi ích của bất kỳ những Người có liên quan nào) mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết (thành viên HĐQT đó vẫn được coi là có mặt và được biểu quyết các vấn đề khác mà thành viên đó có quyền biểu quyết tại cuộc họp đó). Bất kỳ thành viên HĐQT nào được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 và 120.3 của Luật Doanh nghiệp 2005 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 15.7 Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký vào các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty.
- 15.8 Các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát để theo dõi, giám sát và thực hiện.
- 15.9 Các tài liệu liên quan đến phiên họp gồm: Biên bản, Nghị quyết, Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Thư ký Công ty theo chế độ bảo mật của Công ty.

Điều 16: Thông qua các Nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- 16.1 Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện là các thành viên HĐQT phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị HĐQT xem xét quyết nghị.
- 16.2 Trong trường hợp này, các nghị quyết của HĐQT chỉ có hiệu lực khi được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT gửi phiếu tán thành. Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua Nghị quyết của HĐQT.

III. PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17: Trong lĩnh vực huy động vốn

HĐQT có quyền:

- đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán

của từng loại;

- quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi và
- quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp 2005;

HĐQT có thể ra nghị quyết giao quyền cho Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số các quyền trên.

Điều 18: Trong lĩnh vực đầu tư ra ngoài Công ty:

- 18.1 Trong khuôn khổ các quy trình của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT quyết định việc góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty liên doanh, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty) theo đề nghị của Tổng Giám Đốc với giá trị đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.
- 18.2 Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Tổng Giám Đốc và người đại diện phần góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty.

Điều 19: Trong lĩnh vực đầu tư tài sản cho Công ty:

- 19.1 HĐQT xem xét phê duyệt chủ trương các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty có tổng mức đầu tư đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.
- 19.2 Đối với các dự án đã có trong kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc đã được HĐQT phê duyệt chủ trương, HĐQT ra quyết định thành lập Hội đồng đầu tư (HĐĐT) và ủy quyền cho HĐĐT xem xét quyết định:
 - Phê duyệt toàn bộ các thủ tục đầu tư, bao gồm: Báo cáo đầu tư, kế hoạch đấu thầu/chào hàng/chào giá, hợp đồng; thiết kế, dự toán, tổng dự toán; chi phí phát sinh; quyết toán vốn đầu tư và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư và đưa dự án vào sử dụng.
 - Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án có giá trị phát sinh đến 10% ngân sách đầu tư đã được phê duyệt.
 - Phê duyệt phát sinh của các hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án có chi phí phát sinh vượt quá thẩm quyền phê duyệt của Tổng Giám Đốc.
- 19.2 Tổng Giám Đốc xem xét phê duyệt và chịu trách nhiệm đối với phát sinh hợp đồng có chi phí phát sinh đến 10.000 USD (mười nghìn đô la Mỹ) cho mỗi lần phát sinh và tổng giá trị các lần phát sinh không vượt quá 1% trị giá hợp đồng đối với hợp đồng đóng tàu, mua và bán tàu và 5% đối với các hợp đồng dịch vụ, tư

Tổng Giám Đốc phê duyệt các hợp đồng, phát sinh hợp đồng khác do HĐQT ủy quyền.

Điều 20: Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động của Công ty

20.1 Đối với việc tổ chức mua sắm hàng hóa và dịch vụ (vật tư, nguyên nhiên vật liệu, sửa chữa bảo dưỡng...) để phục vụ sản xuất kinh doanh và được tính vào chi phí sản xuất, Tổng Giám đốc Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 21: Trong lĩnh vực thế chấp cầm cố tài sản và kinh doanh mua bán hàng hóa dịch vụ

21.1 Đối với việc mua bán kinh doanh hàng hóa dịch vụ (mua bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện dự án cho khách hàng, thực hiện phương án kinh doanh, cho thuê thiết bị và cung cấp dịch vụ từ nguồn lực của Công ty, v.v.) để phục vụ sản xuất – kinh doanh, Tổng Giám đốc Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

21.2 Việc thế chấp cầm cố tài sản của Công ty do HĐQT quyết định.

Điều 22: Phê duyệt Hợp đồng

22.1 HĐQT phê duyệt các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác đối với bất kỳ dự án nào của Công ty, ngoại trừ hợp đồng quy định tại Điều 14.2.0 Điều lệ Công ty phải do ĐHCĐ phê duyệt và ngoại trừ các hợp đồng mua bán kinh doanh hàng hóa dịch vụ phục vụ SXKD như quy định tại Điều 20, 21 của quy chế này do Tổng Giám đốc quyết định.

22.2 Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm ký kết các hợp đồng thuộc dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt như quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Quy chế này.

22.3 Tổng Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm đối với các hợp đồng khác.

Điều 23: Trong lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

23.1 HĐQT quyết định việc thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, các tài sản cố định do HĐQT quyết định đầu tư.

23.2 (Không sử dụng)

Điều 24: Trong lĩnh vực tổ chức-nhân sự

24.1 Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:

a) HĐQT quyết định cơ cấu tổ chức chung của Công ty (bao gồm cơ cấu tổ chức các phòng, ban Bộ máy điều hành); quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các công ty con (Đơn vị trực thuộc), phê duyệt

các phòng, ban Bộ máy điều hành); quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các công ty con (Đơn vị trực thuộc), phê duyệt Điều lệ của các Đơn vị trực thuộc, phê duyệt định biên các chức danh lãnh đạo của các phòng/ban Bộ máy điều hành Công ty và định biên Ban Giám đốc của các Đơn vị trực thuộc, tổng quỹ lương hàng năm của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

- b) Tổng Giám đốc Công ty quyết định thành lập và giải thể các phòng ban chức năng của Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức chung của Công ty đã được HĐQT phê duyệt; ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban Tổng công ty; phê duyệt các chức danh lãnh đạo của các phòng, ban thuộc các Đơn vị trực thuộc và các trường hợp khác không thuộc thẩm quyền HĐQT.

24.2 Về lĩnh vực nhân sự:

- a) HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký/Ban thư ký Công ty, Chủ tịch HĐQT/HĐTV, Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị thành viên mà Công ty có vốn góp chi phối trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Tổng giám đốc).
- b) HĐQT quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở Đơn vị liên kết của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- c) Tổng Giám đốc Công ty quyết định các chức danh quản lý khác ngoài trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT như quy định tại điều 24.2 a) nêu trên. Tổng giám đốc quyết định số lượng người lao động, tuyển dụng, ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động trên cơ sở cơ cấu tổ chức đã được HĐQT phê duyệt.
- d) Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT/HĐTV, Giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị thành viên.
- e) Tổng giám đốc thực hiện việc tuyển dụng lao động, thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật, sa thải người lao động phù hợp với quy định của luật lao động, Điều lệ và Nội quy Công ty;

24.3 Về việc cử cán bộ đi công tác hoặc đào tạo ở nước ngoài:

- a) Tổng Giám đốc quyết định cử Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty đi công tác/đào tạo ở nước ngoài theo yêu cầu công việc.
- b) Chủ tịch HĐQT quyết định cử Tổng Giám đốc, các ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát đi công tác/đào tạo ở nước ngoài theo yêu cầu công việc.

Điều 25: Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền

25.1 HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định

- 25.2 Tổng Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:
- Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được HĐQT phê duyệt;
 - Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty theo quy định tại Điều 31.3 Điều lệ Công ty;
 - Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty.
 - Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ đông, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.
- 25.3 Tổng Giám đốc được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng,... và chịu trách nhiệm về các quyết định này đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

IV. QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY

Điều 26: Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

- 26.1 Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- 26.2 Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các quyết định hoặc nghị quyết và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của SXKD, Hội đồng Quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng một (01) tuần kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp HĐQT hoặc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, Hội đồng Quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng 15 ngày.
- 26.3 Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cử thành viên HĐQT khác tham dự với tư cách Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.
- 26.4 Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng...mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng giám đốc thông báo cho HĐQT biết để tham dự nếu có điều kiện.

26.5 HĐQT phê duyệt các quy chế quản lý hoạt động của Công ty và tùy từng trường hợp cụ thể có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt một số quy chế hoạt động nội bộ. Tổng Giám đốc phê duyệt các quy định, quy trình khác của Công ty.

Đối với các đơn vị thành viên, Hội đồng quản trị phê duyệt: Điều lệ, chiến lược, quy chế tài chính; các vấn đề khác sẽ do Tổng giám đốc quy định.

26.6 Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quan hệ công việc với HĐQT:

26.6.1 Tổng giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHCĐ. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội Đồng quản trị hoặc các thành viên Hội Đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ hoặc trái với quyết định Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và HĐQT đối với những vấn đề nói trên.

26.6.2 Các trách nhiệm khác của Tổng giám đốc được nêu trong mục 3 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 27: Quan hệ với Ban kiểm soát (BKS)

27.1 HĐQT, TGD tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

27.2 HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 28: Quan hệ với bộ máy điều hành Công ty

28.1 HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, HĐQT có kế hoạch làm việc với các Đơn vị thành viên của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

28.2 HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng và/hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

- 28.3 Văn Phòng Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty; chuyển và nhận tất cả công văn, tài liệu của HĐQT theo quy chế văn thư của Công ty.
- 28.4 Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của HĐQT phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.
- 28.5 Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký Công ty.
- 28.6 HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.

Điều 29: Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

- 29.1 HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.
- 29.2 HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty ký thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty và tạo cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Điều 30: Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí

- 30.1 HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.
- 30.2 HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 30.3 HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.
- 30.4 Các ủy viên HĐQT không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.
- 30.5 Chủ tịch và các ủy viên HĐQT có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ các tài liệu liên quan đến Công ty và không được cho các cá nhân, công ty khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến Công ty và làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm tuân thủ các quy chế an toàn bảo mật hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31: Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

- 31.1 HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.
- 31.2 Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

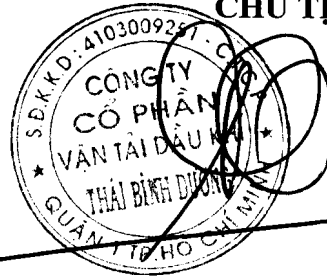
Điều 32: Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của HĐQT trên cơ sở ý kiến đề nghị của các thành viên HĐQT và/hoặc của BKS, Tổng Giám đốc Công ty hoặc khi có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan.

Điều 33: Điều khoản thi hành

- 33.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành
- 33.2 Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các đơn vị thành viên Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *nam*



PHẠM VIỆT ANH

dhm

tb

I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1: Mục đích và đối tượng áp dụng của Quy chế.....	1
II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ...1	1
Điều 2: Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	1
Điều 3: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	1
Điều 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT	2
Điều 5: Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	2
Điều 6: Thư ký và bộ phận giúp việc của HĐQT	2
Điều 7: Chế độ làm việc của HĐQT	3
Điều 8: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	3
Điều 9: Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT.....	4
Điều 10: Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT	4
Điều 11: Thành phần tham dự các cuộc họp HĐQT.....	5
Điều 12: Chuẩn bị nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT	5
Điều 14: Biên bản cuộc họp HĐQT	6
Điều 15: Nghị quyết của HĐQT	6
III. PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	7
Điều 17: Trong lĩnh vực huy động vốn.....	7
Điều 18: Trong lĩnh vực đầu tư ra ngoài Công ty.....	8
Điều 19: Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản.....	8
Điều 20: Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động của Công ty	9
Điều 21: Trong lĩnh vực thế chấp cầm cố tài sản và kinh doanh mua bán hàng hóa dịch vụ	9
Điều 22: Phê duyệt Hợp đồng.....	9
Điều 23: Trong lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.	9
Điều 24: Trong lĩnh vực tổ chức-nhân sự.....	9
Điều 25: Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền...10	10
IV. QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY	11
Điều 26: Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	11
Điều 27: Quan hệ với Ban kiểm soát (BKS)	12
Điều 28: Quan hệ với bộ máy điều hành Công ty.....	12
Điều 29: Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên.....	13
Điều 30: Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí.....	13
V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 31: Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	14
Điều 32: Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	14
Điều 33: Điều khoản thi hành.....	14